

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Lam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Dư Thị Út**

2. Bà **Khuru Liên Dung**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Kép – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Lý Thế Dung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 5/18B, Khóm B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Trần Quốc T, sinh năm 1983

Đăng ký HKTT: Số 5/18B, Khóm B, Phường B, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

Đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam C, ấp 1, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Trần Quốc T sống chung như vợ chồng từ năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu

ngày 12/02/2010. Quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn tình cảm, đã sống ly thân một thời gian, sau đó anh T phạm tội và chấp hành án phạt tù 30 năm tại Trại giam C, đã chấp hành được khoảng hơn 01 năm. Mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được. Chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có hai con chung tên Trần Thúy A, sinh ngày 16/12/2009; Trần Quốc K, sinh ngày 20/02/2002. Hiện nay hai con đang sống cùng chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K, cháu A và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/5/2019 bị đơn anh Trần Quốc T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T và chị Nguyễn Thị T tự nguyện sống chung như vợ chồng từ năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 12/02/2010. Quá trình chung sống vợ chồng, đến ngày anh T bị bắt vì thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 16/11/2014, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cuộc sống hạnh phúc. Từ khi anh T chấp hành án tại Trại giam C ngày 23/3/2016, chị T không xuống thăm, 01 năm chỉ xuống thăm 01 lần vào dịp tết. Anh T đã nhiều lần gửi đơn yêu cầu được gặp chị T nhưng chị T vẫn không đến thăm. Từ tết năm 2017 đến nay chị T không đến thăm. Theo anh T nghĩ thì chị T không còn tình cảm với anh T, đã có tình cảm với người khác. Anh T vẫn còn thương chị T, nên không đồng ý ly hôn với chị T.

- Về con chung: Quá trình chung sống, có hai con chung tên Trần Thúy A, sinh ngày 16/12/2009; Trần Quốc K, sinh ngày 20/02/2002. Hiện nay hai con đang sống cùng chị T. Nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh T, anh T đồng ý giao cháu K, cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Quốc T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thúy A, sinh ngày 16/12/2009; Trần Quốc K, sinh ngày 20/02/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép cản trở.

Anh T không cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Quốc T nên đây là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh T có địa chỉ cư trú tại thành phố B, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét thấy chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt chị T, anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Quốc T tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu ngày 12/02/2010. Nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Theo quy định pháp luật, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Nhưng chị T xác định quá trình chung sống không có hạnh phúc, thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, không còn tình cảm, đã sống ly thân một thời gian, sau đó anh T phạm tội và chấp hành án phạt tù 30 năm tại Trại giam C, đã chấp hành được khoảng hơn 01 năm. Anh T xác định quá trình chung sống vợ chồng, đến ngày anh T bị bắt vì thực hiện hành vi cướp giật tài sản ngày 16/11/2014, vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cuộc sống hạnh phúc. Từ khi anh T chấp hành án tại Trại giam C ngày 23/3/2016, chị T xuống thăm rất ít. Theo anh T nghĩ thì chị T không còn tình cảm với anh T, đã có tình cảm với người khác nhưng anh T vẫn còn thương chị T, nên không đồng ý ly hôn với chị T.

Xét thấy, anh T đang chấp hành hình phạt tù thời hạn 30 năm, không có điều kiện để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Đối với chị T, chị T xác định không còn tình cảm với anh T và kiên quyết xin ly hôn với anh T. Xét mục đích hôn nhân giữa chị T và anh T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Chị T và anh T xác định quá trình chung sống, có hai con chung tên Trần Thúy A, sinh ngày 16/12/2009; Trần Quốc K, sinh ngày 20/02/2002. Hiện nay cháu A, K đang sống cùng chị T.

Anh T xác định nếu Tòa án giải quyết cho chị T ly hôn với anh T, anh T đồng ý giao cháu K, cháu A cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao con chung là cháu A và K cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, hiện cháu A và cháu K đang sống cùng chị T, cho nên chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng các cháu.

Anh T được quyền thăm nom, chăm sóc cháu A và K, không ai được phép cản trở.

Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Quốc T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Trần Thúy A, sinh ngày 16/12/2009; Trần Quốc K, sinh ngày 20/02/2002 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu A, cháu K đang sống cùng chị T, cho nên chị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu A, cháu K.

Anh Trần Quốc T được quyền thăm nom cháu Trần Thúy A và Trần Quốc K, không ai được phép cản trở.

Anh Trần Quốc T không cấp dưỡng nuôi con do chị Nguyễn Thị T không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định về tài sản chung tự thỏa thuận; Về nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng. Chị T đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0000549 ngày 26/4/2019** tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- UBND Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam